

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-UBND

Chí Minh, ngày tháng 02 năm 2025

**THÔNG BÁO**

**Kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phường Chí Minh  
từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/01/2025**

Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, UBND phường Chí Minh thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/01/2025 như sau:

**1. Tình hình tiếp nhận, giải quyết:**

*Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC*

| STT | Lĩnh vực giải quyết                                              | Số lượng hồ sơ tiếp nhận |            |                              |             | Số lượng hồ sơ đã giải quyết |           |          |         | Số lượng hồ sơ đang giải quyết |          |         |
|-----|------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------|------------------------------|-------------|------------------------------|-----------|----------|---------|--------------------------------|----------|---------|
|     |                                                                  | Tổng số                  | Trong kỳ   |                              | Từ kỳ trước | Tổng số                      | Trước hạn | Đúng hạn | Quá hạn | Tổng số                        | Đúng hạn | Quá hạn |
|     |                                                                  |                          | Trực tuyến | Trực tiếp, dịch vụ bưu chính |             |                              |           |          |         |                                |          |         |
| (1) | (2)                                                              | (3)                      | (4)        | (5)                          | (6)         | (7)                          | (8)       | (9)      | (10)    | (11)                           | (12)     | (13)    |
| 1.  | Bảo trợ xã hội                                                   | 9                        | 7          | 0                            | 2           | 9                            | 9         | 0        | 0       | 0                              | 0        | 0       |
| 2.  | Chứng thực                                                       | 112                      | 0          | 107                          | 5           | 111                          | 108       | 3        | 0       | 1                              | 1        | 0       |
| 3.  | Hộ tịch                                                          | 86                       | 61         | 24                           | 1           | 86                           | 80        | 6        | 0       | 0                              | 0        | 0       |
| 4.  | Hộ tịch - Đăng ký thường trú -<br>Bảo trợ xã hội - Người có công | 4                        | 4          | 0                            | 0           | 4                            | 1         | 3        | 0       | 0                              | 0        | 0       |

|           |                                                      |     |    |     |    |     |     |    |   |   |   |   |
|-----------|------------------------------------------------------|-----|----|-----|----|-----|-----|----|---|---|---|---|
| 5.        | Hộ tịch - Đăng ký thường trú - Quản lý thu, Sổ - thẻ | 13  | 12 | 0   | 1  | 12  | 2   | 10 | 0 | 1 | 1 | 0 |
| 6.        | Người có công                                        | 2   | 0  | 1   | 1  | 0   | 0   | 0  | 0 | 2 | 2 | 0 |
| Tổng cộng |                                                      | 226 | 84 | 132 | 10 | 222 | 200 | 22 | 0 | 4 | 4 | 0 |

2. Kết quả số hóa hồ sơ, lưu kho dữ liệu

| STT | Đơn vị<br>(cơ quan) | Số hoá hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận |                           |                                  |                                         |                                                 |                      | Số hoá kết quả giải quyết TTHC |                              |                            |                            |                                        |
|-----|---------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------|------------------------------|----------------------------|----------------------------|----------------------------------------|
|     |                     | Số hồ sơ tiếp nhận              | Số hồ sơ chưa số hoá TPHS | Số hồ sơ có số hoá thành phần HS | Số hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ | Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận | Số hồ sơ tái sử dụng | Số hồ sơ đã giải quyết         | Số hồ sơ chưa số hoá kết quả | Số hồ sơ có số hoá kết quả | Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ | Số hồ sơ có kết quả đã lưu kho dữ liệu |
|     |                     | (1)                             | (2)                       | (3)                              | (4)                                     | (5)=(4)/(1)                                     | (6)                  | (7)                            | (8)                          | (9)                        | (10)=(9)/(7)               | (11)                                   |
| 1   | Phường Chí Minh     | 216                             | 0                         | 216                              | 216                                     | 100                                             | 0                    | 222                            | 0                            | 222                        | 100                        | 203                                    |
|     | Tổng số             | 216                             | 0                         | 216                              | 216                                     | 100                                             | 0                    | 222                            | 0                            | 222                        | 100                        | 203                                    |

3. Chi tiết hồ sơ đã giải quyết trễ hạn và giải pháp khắc phục: Không có hồ sơ trễ hạn

4.Tổng hợp đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân: 222/222 phiếu. Trong đó, rất hài lòng: 222 phiếu, đạt 100%.

Trên đây là Thông báo kết quả giải quyết TTHC từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/01/2025. UBND phường Chí Minh./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy - TTHĐND (để báo cáo);
- Công TTĐT phường;
- Lưu: VP.

KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Mạc Văn Tăng